

**BỘ CÔNG THƯƠNG**  
**TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

**BÀI: TỔNG HỢP, PHÂN TÍCH VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ HOẠT  
ĐỘNG THƯƠNG MẠI GIỮA VIỆT NAM VỚI THỊ TRƯỜNG NEW  
ZEALAND TRONG 8 THÁNG ĐẦU NĂM 2025, ĐÁNH GIÁ TRIỂN  
VỌNG VÀ DỰ BÁO**

**THUỘC NHIỆM VỤ**  
**“Thu thập, tổng hợp, phân tích và cung cấp thông tin phục vụ triển khai  
Hiệp định CPTPP năm 2025”**

**Hà Nội, 2025**

## TÓM TẮT

Năm 2025, Việt Nam và New Zealand kỷ niệm 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao. Mỗi quan hệ giữa hai nước không ngừng được thắt chặt và phát triển rực rỡ trong những năm qua, với minh chứng là việc nâng cấp lên mức Đối tác chiến lược toàn diện vào tháng 2/2025.

Năm 2025 đánh dấu cột mốc quan trọng trên chặng đường nửa thế kỷ đồng hành, Việt Nam và New Zealand hai nước nhất trí nâng cấp quan hệ lên Đối tác chiến lược toàn diện là sự kiện lịch sử, thể hiện niềm tin vững chắc của cả Việt Nam và New Zealand vào tương lai hợp tác song phương, cũng như quyết tâm đưa quan hệ vượt tầm trong kỷ nguyên hợp tác mới. Từng là một trong những quốc gia đầu tiên thiết lập quan hệ ngoại giao với Việt Nam sau ngày Việt Nam hoàn toàn thống nhất, New Zealand đang là một trong những đối tác quan trọng hàng đầu của Việt Nam ở khu vực.

Kể từ khi Việt Nam và New Zealand thiết lập quan hệ Đối tác Toàn diện năm 2009 và tham gia ký kết hiệp định thương mại tự do ASEAN-Ôt-xtrây-li-a-New Zealand (AANZFTA) năm 2010, quan hệ kinh tế hai nước đã có những bước phát triển vượt bậc, thể hiện qua số liệu tăng trưởng thương mại song phương trong 10 năm vừa qua. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang New Zealand năm 2019 đạt 1,06 tỉ NZD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm 2018 và tăng 691% so với năm 2009. Năm 2019, Việt Nam là nước xuất khẩu hàng hóa lớn thứ 14 vào New Zealand. Kim ngạch nhập khẩu từ New Zealand năm 2019 đạt 798 triệu NZD, tăng 14,6% so với năm 2018; Việt Nam là đối tác nhập khẩu hàng hóa lớn thứ 16 của New Zealand.

Hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư giữa hai nước ngày càng mở rộng, với kim ngạch thương mại hai chiều tăng đều qua các năm, từ 300 triệu USD năm 2009 lên hơn 1,3 tỷ USD hiện nay.

Bên cạnh đó, New Zealand duy trì Viện trợ Phát triển Chính thức (ODA) ổn định cho Việt Nam; đã và đang triển khai nhiều dự án viện trợ phát triển có ý nghĩa, trong đó có dự án hỗ trợ Việt Nam nâng cao chất lượng một số loại hoa quả như bơ, thanh long và chanh leo; và dự án an toàn đập, đề điều tại các tỉnh miền Trung Việt Nam; đồng thời đẩy mạnh hợp tác với Việt Nam trên nhiều lĩnh vực cùng quan tâm như nông nghiệp, quốc phòng-an ninh, giao thông vận tải, ứng phó biến đổi khí hậu...

Những thành quả tốt đẹp trên xuất phát từ mức độ tin cậy chính trị cao và lòng tin chiến lược ngày càng được củng cố giữa hai nước, trong đó có quyết tâm chính trị, tình cảm gắn bó chân thành, nồng ấm của lãnh đạo cấp cao hai nước, cũng như tình hữu nghị, sự hiểu biết ngày càng sâu sắc giữa người dân hai nước. Tuy nhiên, còn nhiều dư địa để mở rộng hợp tác giữa hai nước, trong đó nhiều lợi thế, tiềm năng còn chưa được khai thác tối đa, tận dụng hiệu quả, đòi hỏi cần có nỗ lực lớn hơn, hành động mạnh mẽ hơn của cả hai nước để đưa quan hệ Việt Nam - New Zealand tiến thêm những bước tiến mới trong thời gian tới.

Việt Nam - New Zealand là hai nền kinh tế có tính bổ sung cao, đồng thời là thành viên của nhiều hiệp định thương mại tự do quan trọng trong khu vực, Việt Nam và New Zealand với tiềm năng thúc đẩy hợp tác giữa Việt Nam và New Zealand còn rất rộng mở. Việt Nam là nền kinh tế năng động hàng đầu tại Đông Nam Á. Với tốc độ tăng trưởng nhanh, cùng nhu cầu ngày càng cao đối với các sản phẩm cao cấp, Việt Nam đang trở thành điểm đến hấp dẫn của các doanh nghiệp và nhà đầu tư New Zealand, mở ra nhiều cơ hội hợp tác giữa hai nước trong thời gian tới. Trên cơ sở những thành quả đã đạt được, cùng quyết tâm của lãnh đạo và người dân hai nước, Việt Nam và New Zealand đang cùng hướng tới mục tiêu nâng kim ngạch thương mại song phương lên mức 3 tỷ USD vào năm 2026.

Với nền tảng vững chắc được vun đắp trong nửa thế kỷ qua và quyết tâm từ cả hai phía, quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện Việt Nam - New Zealand sẽ tiếp tục phát triển toàn diện hơn, sâu rộng hơn, mang lại lợi ích thiết thực hơn

cho nhân dân hai nước, đóng góp tích cực cho hòa bình, an ninh, ổn định và phát triển thịnh vượng, bền vững tại khu vực.

## **I. TÌNH HÌNH KINH TẾ, THƯƠNG MẠI NỔI BẬT CỦA THỊ TRƯỜNG NEW ZEALAND**

### **1. Tình hình kinh tế của thị trường New Zealand**

Nền kinh tế New Zealand có độ mở cửa cao và hoạt động dựa trên các nguyên tắc thị trường tự do. Trong vòng 30 năm qua, New Zealand đã thực hiện các cải cách mạnh mẽ, biến nước này từ một nền kinh tế bảo hộ cao trong OECD thành một trong những nền kinh tế thị trường tự do nhất.

New Zealand cải cách kinh tế hướng đến nền kinh tế nói lỏng điều tiết đã thả nổi đồng đô la New Zealand, tư nhân hóa nhiều doanh nghiệp nhà nước, giảm thuế, nói lỏng tập trung hóa thị trường lao động và dỡ bỏ bảo hộ. Các chính sách ưu đãi dựa trên nguyên tắc thị trường, trừ các quy định liên quan đến chống độc quyền (như trong luật cạnh tranh) hoặc các quyết định mang mục đích chính trị để tạo ra các kết quả mà bản thân xã hội không thể tạo ra như các vấn đề liên quan tới bệnh tật và an toàn nghề nghiệp hay mức lương tối thiểu quy định theo luật.

Kinh tế New Zealand là một nền kinh tế thị trường phát triển chủ yếu dựa vào trao đổi thương mại quốc tế, với các đối tác thương mại chính là Úc, Hoa Kỳ và Nhật Bản. New Zealand có thế mạnh về du lịch và xuất khẩu nông nghiệp, chỉ có một ít cơ sở sản xuất chế tạo và các thành phần công nghệ cao. Nền kinh tế thị trường tự do được cải cách vào cuối thập kỷ trước của New Zealand đã loại bỏ những rào cản đối với đầu tư nước ngoài,

New Zealand đất đai màu mỡ, khí hậu tốt cho trồng trọt cùng với các phương pháp canh tác tinh vi và công nghệ nông nghiệp tiên tiến là môi trường lý tưởng cho các ngành như chăn nuôi, lâm nghiệp và trồng trọt. Các sản phẩm nông, lâm nghiệp chiếm  $\frac{1}{2}$  kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của New Zealand. New Zealand cũng là một trong 5 nước xuất khẩu sữa hàng đầu thế giới.

Là nước có thế mạnh về nông nghiệp, lĩnh vực cơ bản có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế New Zealand, đặc biệt về xuất khẩu. Lĩnh vực cơ bản chỉ đóng góp khoảng 7% GDP và tạo ra gần 6% việc làm nhưng chiếm khoảng một nửa kim ngạch xuất khẩu hàng hóa.

Trong bối cảnh kinh tế ổn định, New Zealand có vị thế tương đối tốt cho cơ chế đầu tư toàn cầu mới hiện nay. Có rất nhiều cơ hội tốt để đầu tư dài hạn trong bối cảnh môi trường vĩ mô ngắn hạn còn nhiều thách thức".

Trong một thế giới đầy biến động, New Zealand nổi lên như một trong số các quốc gia có sự ổn định cao về kinh tế, chính trị và xã hội. New Zealand được Quỹ vì Hòa bình xếp hạng là quốc gia ổn định thứ ba trên thế giới. Năm 2023, New Zealand được xếp hạng đồng số một thế giới về mức độ đáng tin cậy và hiệu quả của các tổ chức công như cảnh sát và tư pháp của Tổ chức Minh bạch Quốc tế. Cũng trong năm 2017, New Zealand được xếp hạng là nước an toàn thứ 2 thế giới trong Chỉ số Hòa bình Toàn cầu.

Niềm tin kinh doanh ở New Zealand gần đây cho thấy tín hiệu tích cực, một phần do điều kiện tài chính nới lỏng hơn và việc các ngân hàng bắt đầu giảm lãi suất cho vay mua nhà. Các chỉ số này cho thấy nền kinh tế New Zealand đang phục hồi, mặc dù tốc độ tăng trưởng năng suất vẫn còn là một thách thức.

Niềm tin kinh doanh ở New Zealand tăng lên 47,8% vào tháng 7 năm 2025, tuy nhiên hoạt động kinh doanh thực tế giảm nhẹ xuống 40,6%. Sự tăng trưởng này trái ngược với tình hình trước đây khi chỉ số niềm tin kinh doanh giảm xuống còn -3,8 vào tháng 7 năm 2021.

Ngoài ra, rủi ro bên ngoài ngày càng tăng, đặc biệt là lo ngại về cuộc chiến thương mại toàn cầu leo thang, đã tác động đến tâm lý kinh doanh.

Trong bối cảnh suy giảm nhẹ, nhà kinh tế trưởng của ANZ Sharon Zollner cho rằng mặc dù môi trường kinh doanh đang được cải thiện, nhưng vẫn còn nhiều thách thức. Đáng khích lệ là tỷ lệ doanh nghiệp kỳ vọng điều kiện sẽ cải

thiện trong năm tới đã tăng lên 48,6% vào tháng 3, tăng so với mức 45,1% vào tháng 2.

Chỉ số triển vọng kinh doanh ANZ của New Zealand đứng ở mức 49,7 vào tháng 8 năm 2025, gần như không đổi so với mức đỉnh 5 tháng là 49,7 của tháng 7, phản ánh sự lạc quan bền vững về sự phục hồi kinh tế được củng cố bởi lãi suất thấp hơn. Dự báo niềm tin kinh doanh tại New Zealand dự kiến sẽ đạt 49,8 điểm vào cuối quý này. Về dài hạn, niềm tin kinh doanh tại New Zealand được dự báo sẽ dao động quanh mức 54,0 điểm vào năm 2026 và 56,0 điểm vào năm 2027.

### **+ Tốc độ tăng trưởng GDP**

Trong một thập kỷ qua, kinh tế của New Zealand đã có sự phát triển đáng kể với GDP tăng từ 171,7 tỷ USD năm 2014 lên 217,9 tỷ USD vào năm 2023, với tốc độ tăng trưởng trung bình GDP giai đoạn 2014-2023 đạt 2,8%/năm.

Dưới ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, GDP của New Zealand chỉ giảm nhẹ -0,7% năm 2020, sau đó đã nhanh chóng phục hồi và tăng trưởng trở lại (tốc độ tăng GDP lần lượt đạt 5,2% năm 2021 và 2,9% năm 2022). Với những ảnh hưởng tiêu cực kéo dài của chiến sự Nga-Ukraine, GDP của New Zealand cũng chỉ giảm nhẹ 0,1% năm 2023 (Số liệu của Ngân hàng Thế giới).

New Zealand là quốc gia có quy mô dân số tương đối nhỏ, chỉ khoảng 5,22 triệu người, tuy nhiên New Zealand lại thuộc nhóm nước phát triển, có mức sống cao trên thế giới với GDP bình quân đầu người đạt khoảng 41.725 USD/người vào năm 2023 (Ngân hàng Thế giới, 2024). Với mức thu nhập này, người tiêu dùng New Zealand có khả năng chi trả cao cho hàng hóa tiêu dùng.

Năm 2024, GDP của New Zealand đạt 260,24 tỷ USD, tăng so với năm 2023, theo số liệu từ Ngân hàng Thế giới. GDP bình quân đầu người của quốc gia này vào tháng 3 năm 2024 đạt 48.249,3 triệu USD, cũng là một mức tăng so với cùng kỳ năm trước.

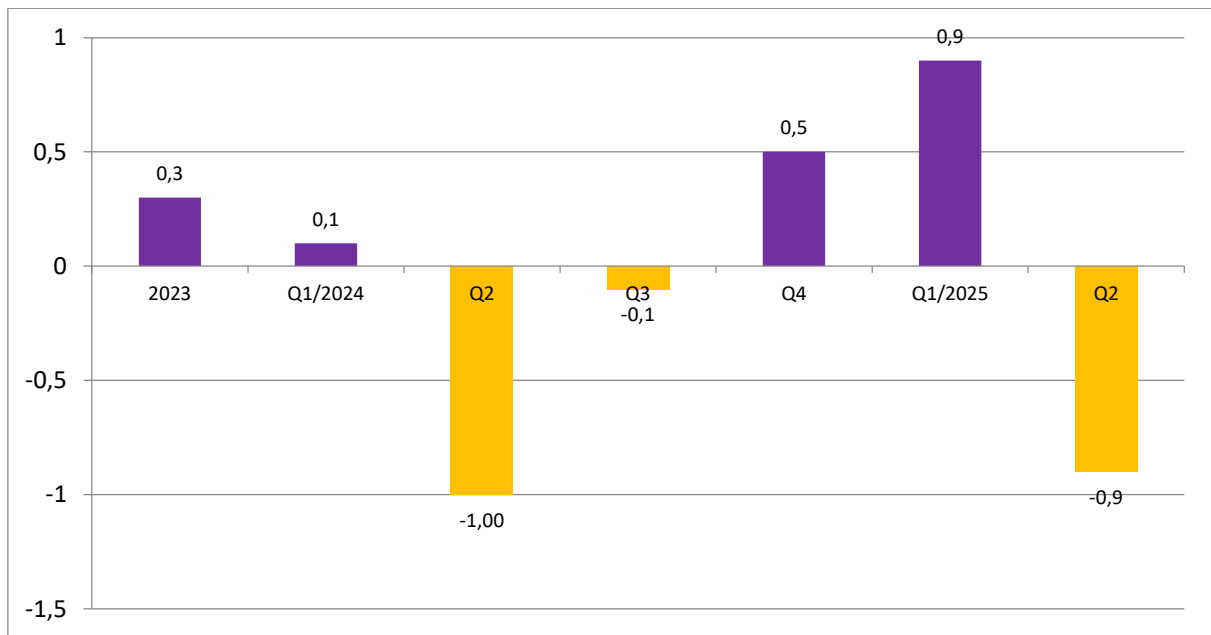
Năm 2025, nền kinh tế New Zealand được xếp hạng thứ 52 thế giới về GDP danh nghĩa và thứ 63 về sức mua tương đương (PPP). Tuy nhiên, nước này được đánh giá là một trong những nền kinh tế thị trường tự do và toàn cầu hóa nhất, với hệ thống an sinh xã hội hiệu quả và có thu nhập cao.

Tuy nhiên nền kinh tế New Zealand đã suy giảm 0,9% theo quý trong quý 2 năm 2025, đảo ngược mức tăng trưởng 0,8% đã được điều chỉnh tăng trong quý trước và vượt quá kỳ vọng của thị trường là giảm 0,2%. Sự suy thoái này đã chấm dứt hai quý tăng trưởng liên tiếp sau các đợt suy giảm liên tiếp. Theo ngành, sản lượng sơ cấp giảm 0,3% (so với +0,5% trong quý 1), trong khi các ngành sản xuất hàng hóa giảm (-3,5% so với +2,4% trong quý 1), dẫn đầu là mức giảm mạnh trong khai thác mỏ (-4,1% so với +1%) và sản xuất (-2,4% so với +0,1%). Ngành dịch vụ nhìn chung đi ngang, với mức giảm đáng kể trong vận tải, bưu chính và kho bãi (-0,6% so với +0,6%), chăm sóc sức khỏe và hỗ trợ xã hội (-0,7% so với +1,7%) và dịch vụ tài chính và bảo hiểm (-0,5% so với -0,5%). Ngược lại, thương mại bán buôn (+1,4% so với -0,4%), truyền thông thông tin và viễn thông (+1,8% so với -0,8%), và dịch vụ cho thuê, tuyển dụng và bất động sản (+0,7% so với +0,3%) đều ghi nhận mức tăng trưởng. Tính chung cả năm, GDP giảm 0,6% trong quý 2, tương đương với tốc độ giảm của quý 1.

Dự báo tốc độ tăng trưởng GDP của New Zealand dự kiến sẽ đạt 1,0% vào cuối quý này, và về dài hạn, Tốc độ tăng trưởng GDP của New Zealand dự kiến sẽ dao động quanh mức 1,1% vào năm 2026 và 1,2% vào năm 2027.

### **Biểu đồ 1: Tăng trưởng GDP của New Zealand giai đoạn 2023 - 2025**

*(Đơn vị tính: %)*



*Nguồn: Trading Economics*

### + Tỷ lệ thất nghiệp

Tỷ lệ thất nghiệp của New Zealand trong 6 tháng đầu năm 2025 bình quân là 5,2%, tăng 14,4% so cùng kỳ năm 2024.

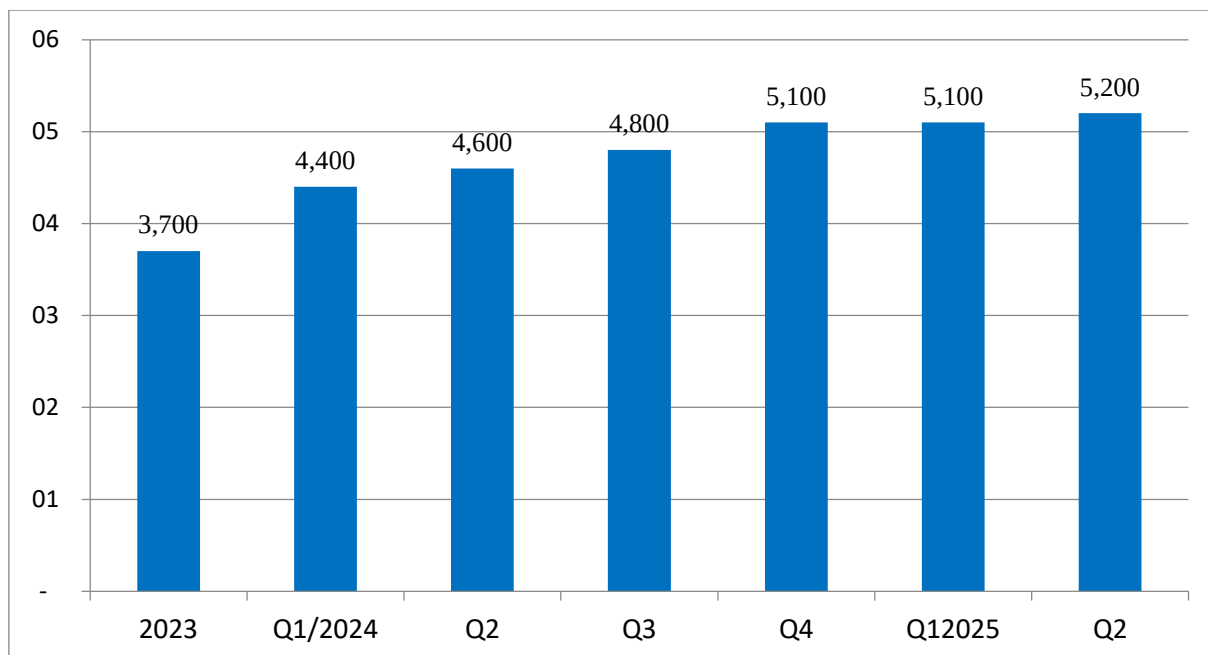
Tỷ lệ thất nghiệp của New Zealand tăng nhẹ lên 5,2% trong quý II năm 2025, cao hơn so với mức 5,1% của quý trước. Số người thất nghiệp đã tăng lên 158.000 người, từ mức 156.000 người trong tháng Ba và đánh dấu mức tăng hàng năm là 16.000 người, tương đương 11,1%. Trong khi đó, tỷ lệ tham gia lực lượng lao động đã điều chỉnh theo mùa giảm xuống 70,5% từ mức 70,7% trong quý trước, cho thấy sự sụt giảm nhẹ trong mức độ gắn kết của lực lượng lao động. Tỷ lệ sử dụng lao động dưới mức - một thước đo rộng hơn về năng lực lao động dự phòng - cũng tăng lên 12,8%, tăng từ mức 12,4% của tháng Ba và 11,9% của cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ này cho thấy sự trì trệ ngày càng tăng trên thị trường lao động, gây thêm áp lực lên kinh tế khi đà tăng trưởng kinh tế tiếp tục chậm lại.

Dự báo tỷ lệ thất nghiệp tại New Zealand dự kiến sẽ đạt 5,3% vào cuối quý 3/2025. và về dài hạn, tỷ lệ thất nghiệp tại New Zealand dự kiến sẽ dao động quanh mức 4,7% vào năm 2026 và 4,2% vào năm 2027.



**Biểu 2: Tỷ lệ thất nghiệp của New Zealand giai đoạn 2023 - 2025**

(Đơn vị tính: %)



*Nguồn: Trading Economics*

### **+ Niềm tin người tiêu dùng**

Năm 2025: Niềm tin của người tiêu dùng tại New Zealand đạt 91,2 điểm vào quý 2 từ mức 98,2 điểm vào quý 1 năm 2025, tăng 10,9% so cùng kỳ năm 2023.

Chỉ số niềm tin người tiêu dùng tại New Zealand tăng nhẹ lên 91,2 điểm vào quý 2 năm 2025. Xu hướng tăng này phản ánh áp lực liên tục từ quý 1 năm 2025 trên các hộ gia đình khi chi phí sinh hoạt gia tăng từ sự ổn định của nền kinh tế tạo lòng tin tiêu dùng lên các hộ gia đình và tâm lý chi tiêu.

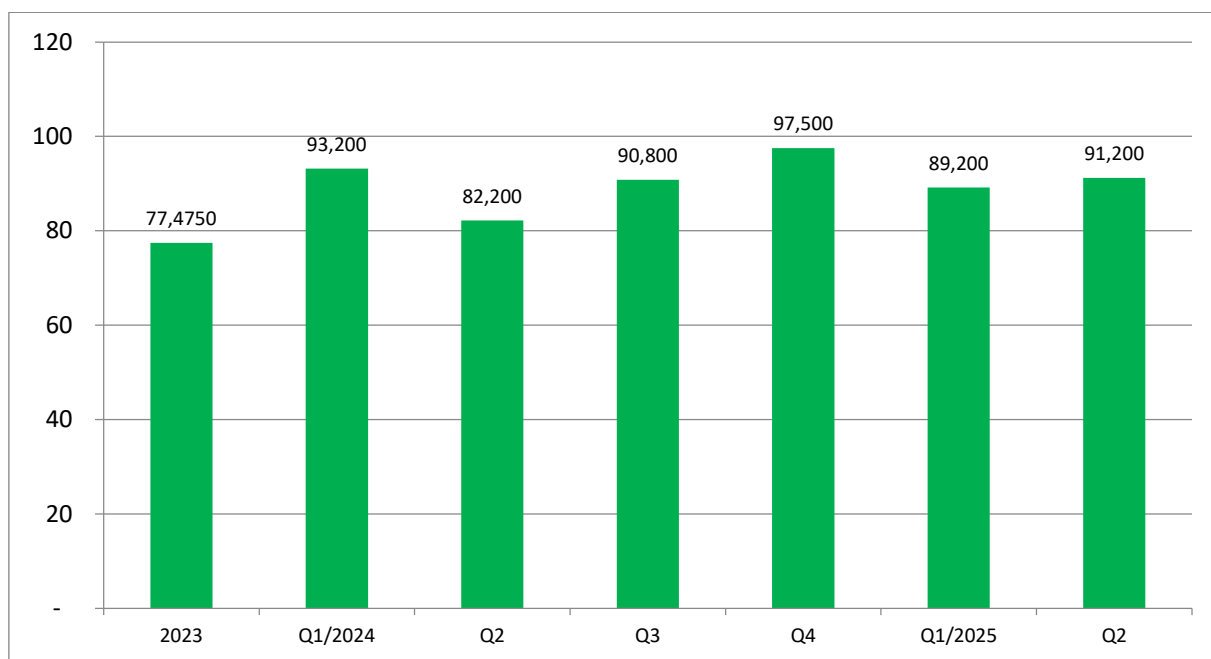
Niềm tin của người tiêu dùng tại New Zealand tăng lên mức 91,2 điểm trong quý 2 năm 2025. Niềm tin của người tiêu dùng tại New Zealand đạt trung bình 108,16 điểm từ năm 1988 đến năm 2025, đạt mức cao nhất là 130,9 điểm trong quý 2 năm 1994 và mức thấp nhất là 75,6 điểm trong quý 4 năm 2022.

Dự báo niềm tin người tiêu dùng tại New Zealand dự kiến sẽ đạt 93,0 điểm vào cuối quý 3 năm 2025. và về dài hạn, niềm tin người tiêu dùng tại New

Zealand được dự báo sẽ dao động quanh mức 105,0 điểm vào năm 2026 và 103,0 điểm vào năm 2027.

**Biểu 3: Chỉ số niềm tin người tiêu dùng của New Zealand 2023-2025**

(Đơn vị tính: điểm)



Nguồn: Trading Economics

## 2. Tình hình thương mại của thị trường

### - Về xuất khẩu

Năm 2024, New Zealand xuất khẩu hàng hoá đạt 43,2 tỷ USD tăng 1,2% so với năm 2023 ở mức 41,8 tỷ USD, cũng trong năm 2024 nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu cao là;

- Nhóm (Sản phẩm từ sữa; trứng chim; mật ong tự nhiên; sản phẩm ăn được có nguồn gốc động vật, không có ở nơi khác ...) đạt 12,3 tỷ USD, tăng 1,4% so với năm 2023;

- Nhóm (Thịt và nội tạng ăn được...) đạt 5,1 tỷ USD, giảm 3,7% so với năm 2023;

- Nhóm (Trái cây và các loại hạt ăn được; vỏ trái cây họ cam quýt hoặc dừa...) đạt 2,8 tỷ USD, tăng 33,6% so với năm 2023;

+ Ở chiều ngược lại nhóm có kim ngạch nhập khẩu thấp nhất là nhóm (Lúa...) chỉ đạt 51 nghìn USD giảm 50,5% và nhóm (Niken và các sản phẩm làm từ niken...) đạt 102 nghìn USD giảm 28,5% so với năm 2023.

8 tháng đầu năm 2025 hàng hoá xuất khẩu của New Zealand ra thế giới đạt 31,4 tỷ USD tăng 10,8% so với 8 tháng đầu năm 2023 ở mức 28,3 tỷ USD, trong nhóm hàng xuất khẩu có kim ngạch cao là;

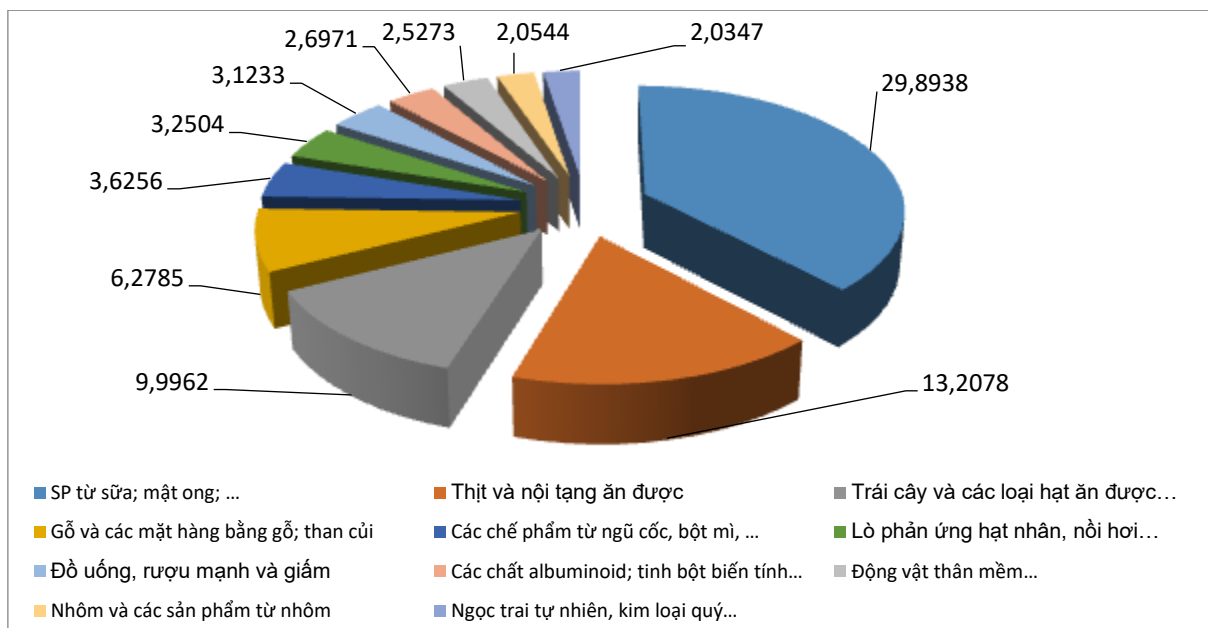
- Nhóm (Sản phẩm từ sữa; trứng chim; mật ong tự nhiên; sản phẩm ăn được có nguồn gốc động vật, không có ở nơi khác ...) đạt 9,4 tỷ USD, tăng 19,6% so với 8 tháng đầu năm 2023;

- Nhóm (Thịt và nội tạng ăn được...) đạt 4,1 tỷ USD, tăng 12,5% so với 8 tháng đầu năm 2023; tiếp đến là nhóm (Trái cây và các loại hạt ăn được; vỏ trái cây họ cam quýt hoặc dừa ...) đạt 3,1 tỷ USD, tăng 29,1% so với 8 tháng đầu năm 2023;

Ở chiều ngược lại nhóm có kim ngạch nhập khẩu thấp nhất là nhóm (Lúa...) chỉ đạt 24 nghìn USD giảm 17,2% và nhóm (Sản phẩm làm từ rơm, cỏ esparto hoặc các vật liệu tết bện khác; đồ đan lát và đồ mây tre đan...) đạt 63 nghìn USD tăng 5,0% so với 8 tháng đầu năm 2023;

**Biểu 4: Nhóm 10 mặt hàng xuất khẩu chủ lực của New Zealand 8 tháng đầu năm 2025**

*(Đơn vị tính: Tỷ trọng %)*



*Nguồn: Trademap*

### **- Về nhập khẩu**

Năm 2024, hàng hoá nhập khẩu vào New Zealand đạt 46,8 tỷ USD giảm 6,1% so với năm 2023,

8 tháng đầu năm 2025 hàng hoá nhập khẩu vào New Zealand đạt 30,4 tỷ USD giảm 0,1% so với 8 tháng đầu năm 2024 Trong đó nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu cao là:

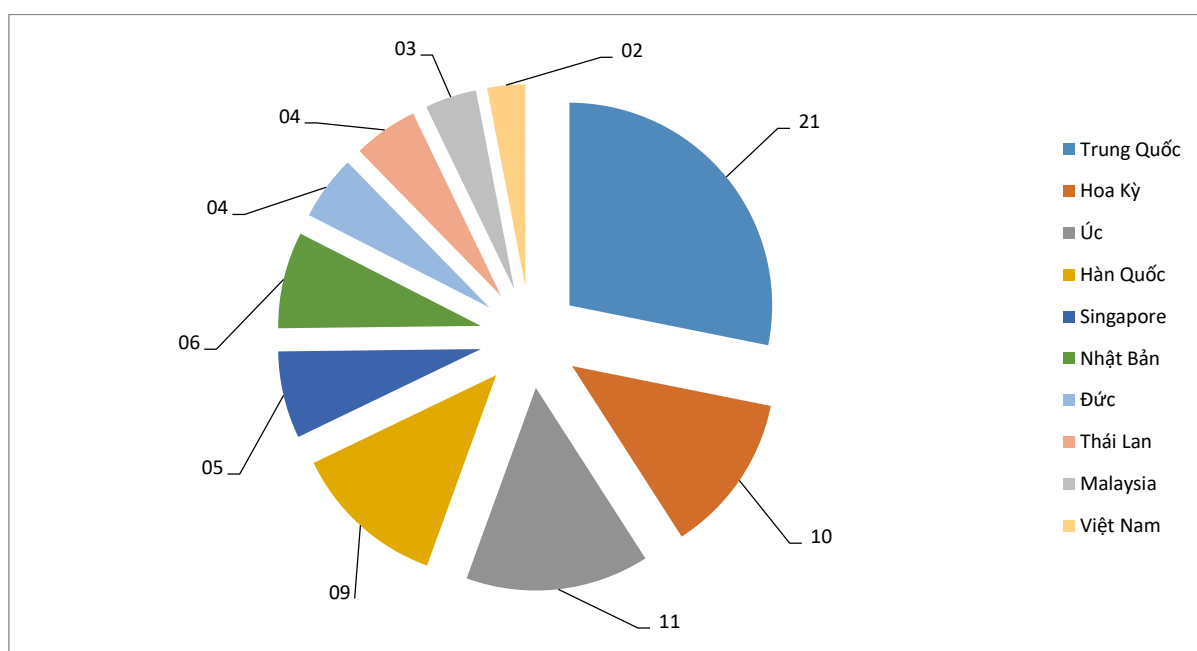
- Nhóm ( Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy móc và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng ...) đạt 4,4 tỷ USD, tăng 6,1% so với cùng kỳ năm 2023;

- Nhóm ( Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất của chúng; chất bitum; khoáng sản...) đạt 3,9 tỷ USD, giảm 12,8% so với cùng kỳ năm 2023; tiếp đến là nhóm ( Các loại xe khác ngoài toa xe lửa hoặc xe điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng...) đạt 3,3 tỷ USD, giảm 6,5% so với cùng kỳ năm 2023;

Ở chiều ngược lại nhóm có kim ngạch nhập khẩu thấp nhất là nhóm (Lụa...) chỉ đạt 734 nghìn USD giảm 8,3% và nhóm ( Da sống và da thuộc (trừ da lông thú) và da thuộc...) đạt 1.203 nghìn USD giảm 8,2% so với cùng kỳ năm 2023.

**Biểu đồ 5: Nhóm 10 nguồn cung lớn nhất của New Zealand trong 8 tháng đầu năm 2025**

(Đơn vị tính: tỷ trọng %)



*Nguồn: Trademap*

Theo số liệu từ Trademap, trong 8 tháng đầu năm 2025, Trung Quốc là thị trường cung cấp hàng hóa của New Zealand, với kim ngạch đạt 6,5 tỷ USD, tăng 1,6%; Hoa Kỳ đạt 3,3 tỷ USD, tăng 13,7%; tiếp đến là Úc đạt 3,2 tỷ USD, giảm 2,8% so với cùng kỳ năm 2024.

Cũng trong 8 tháng đầu năm 2025, New Zealand nhập khẩu từ Việt nam một số mặt hàng chủ yếu như;

- Nhóm (Máy móc và thiết bị điện cùng các bộ phận của chúng; máy ghi âm và máy phát âm thanh, tivi ...) đạt 291,8 triệu USD giảm 0,1%. So cùng kỳ 2024;

- Nhóm (Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất của chúng; chất bitum; khoáng sản...) đạt 302,0 triệu USD giảm 26,2%.

- Nhóm (Giày dép, xà cạp và các loại tương tự; các bộ phận của những mặt hàng như vậy...) đạt 61,1 triệu USD tăng 5,0% so cùng kỳ 2024.

Trong số nhóm hàng nhập khẩu trong 8 tháng đầu năm 2025 có nhóm có nhóm (Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than củi...) tăng mạnh nhất, tăng 277,8% và giảm mạnh nhất là nhóm (Giấy và bìa cứng; các mặt hàng làm từ bột giấy, giấy hoặc bìa cứng...) giảm tới 34,8% so cùng kỳ 2024.

**Bảng 1: Một số mặt hàng New Zealand nhập khẩu nhiều từ Việt Nam và thế giới 8 tháng đầu năm 2025**

(ĐVT: Nghìn USD)

| Mã HS | Mặt hàng                                                                                       | New Zealand nhập khẩu từ Việt Nam |                                 | New Zealand nhập khẩu từ thế giới |                                 | Thị phần hàng hoá của Việt Nam 8 tháng đầu năm 2025 (%) |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------|
|       |                                                                                                | 8 tháng đầu năm 2025              | So với 8 tháng đầu năm 2024 (%) | 8 tháng đầu năm 2025              | So với 8 tháng đầu năm 2024 (%) |                                                         |
|       | <b>Tổng cộng:</b>                                                                              | <b>719.421</b>                    | <b>3,8</b>                      | <b>30.480.267</b>                 | <b>0,1</b>                      | <b>2,4</b>                                              |
| '85   | Máy móc và thiết bị điện cùng các bộ phận của chúng; máy ghi âm và máy phát âm thanh, tivi ... | 291.540                           | -0,1                            | 2.824.827                         | 3,9                             | 10,3                                                    |
| '64   | Giày dép, xà cạp và các loại tương tự; các bộ phận của những mặt hàng như vậy                  | 61.155                            | 5,0                             | 200.131                           | -2,3                            | 30,6                                                    |
| '84   | Lò phản ứng hạt nhân, nồi hơi, máy móc và thiết bị cơ khí; các bộ phận của chúng               | 56.959                            | -2,0                            | 4.453.584                         | 6,1                             | 1,3                                                     |
| '62   | Các mặt hàng may mặc và phụ                                                                    | 30.391                            | 4,0                             | 373.933                           | -2,8                            | 8,1                                                     |

| Mã HS | Mặt hàng                                                                                     | New Zealand nhập khẩu từ Việt Nam |                                 | New Zealand nhập khẩu từ thế giới |                                 | Thị phần hàng hoá của Việt Nam 8 tháng đầu năm 2025 (%) |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------|
|       |                                                                                              | 8 tháng đầu năm 2025              | So với 8 tháng đầu năm 2024 (%) | 8 tháng đầu năm 2025              | So với 8 tháng đầu năm 2024 (%) |                                                         |
|       | kiện quần áo, không dệt kim hoặc móc                                                         |                                   |                                 |                                   |                                 |                                                         |
| '61   | Các mặt hàng may mặc và phụ kiện quần áo, đan hoặc móc                                       | 29.878                            | 20,9                            | 434.092                           | -0,5                            | 6,9                                                     |
| '31   | Phân bón                                                                                     | 29.108                            | 6,7                             | 367.846                           | 11,2                            | 7,9                                                     |
| '94   | Đồ nội thất; bộ đồ giường, nệm, giá đỡ nệm, đệm và các đồ nội thất nhồi bông tương tự; . . . | 22.443                            | 2,9                             | 522.442                           | -5,9                            | 4,3                                                     |
| '08   | Trái cây và các loại hạt ăn được; vỏ trái cây họ cam quýt hoặc dưa                           | 20.556                            | 6,8                             | 231.487                           | 8,6                             | 8,9                                                     |
| '39   | Nhựa và các sản phẩm từ nhựa                                                                 | 14.830                            | -3,3                            | 1.004.658                         | -2,0                            | 1,5                                                     |
| '95   | Đồ chơi, trò chơi và dụng cụ thể thao; các bộ phận và phụ kiện của chúng                     | 12.126                            | 47,9                            | 320.206                           | 9,0                             | 3,8                                                     |
| '09   | Cà phê, trà, maté và gia vị                                                                  | 11.873                            | 94,7                            | 139.507                           | 47,8                            | 8,5                                                     |
| '34   | Xà phòng, chất hoạt động bề mặt hữu cơ, chế phẩm giặt, chế phẩm bôi trơn, nhân tạo . . .     | 11.163                            | -25,2                           | 207.724                           | -3,0                            | 5,4                                                     |

| Mã HS | Mặt hàng                                                                                                       | New Zealand nhập khẩu từ Việt Nam |                                 | New Zealand nhập khẩu từ thế giới |                                 | Thị phần hàng hoá của Việt Nam 8 tháng đầu năm 2025 (%) |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------|
|       |                                                                                                                | 8 tháng đầu năm 2025              | So với 8 tháng đầu năm 2024 (%) | 8 tháng đầu năm 2025              | So với 8 tháng đầu năm 2024 (%) |                                                         |
| '90   | Quang học, nhiếp ảnh, điện ảnh, đo lường, kiểm tra, độ chính xác, y tế hoặc phẫu thuật . . .                   | 10.115                            | -33,3                           | 1.163.542                         | 5,5                             | 0,9                                                     |
| '42   | Các mặt hàng bằng da; yên ngựa và dây cương; đồ du lịch, túi xách và các vật dụng tương tự; các mặt hàng . . . | 9.069                             | 12,9                            | 121.827                           | -2,2                            | 7,4                                                     |
| '03   | Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và các động vật không xương sống dưới nước khác                     | 8.670                             | -8,5                            | 79.033                            | -4,8                            | 11,0                                                    |
| '44   | Gỗ và các mặt hàng bằng gỗ; than củi                                                                           | 7.609                             | 277,8                           | 230.588                           | 4,1                             | 3,3                                                     |
| '10   | Ngũ cốc                                                                                                        | 6.785                             | 4,9                             | 159.425                           | -16,5                           | 4,3                                                     |
| '40   | Cao su và các sản phẩm từ cao su                                                                               | 6.636                             | -12,5                           | 329.300                           | 2,2                             | 2,0                                                     |
| '73   | Các mặt hàng bằng sắt hoặc thép                                                                                | 5.574                             | 174,3                           | 471.424                           | 1,9                             | 1,2                                                     |
| '63   | Các mặt hàng dệt may khác; bộ; quần áo đã qua sử dụng và các mặt hàng dệt may đã qua sử                        | 5.264                             | 16,0                            | 181.002                           | -0,7                            | 2,9                                                     |



| Mã HS | Mặt hàng                                                                                                            | New Zealand nhập khẩu từ Việt Nam |                                 | New Zealand nhập khẩu từ thế giới |                                 | Thị phần hàng hoá của Việt Nam 8 tháng đầu năm 2025 (%) |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------------------------|
|       |                                                                                                                     | 8 tháng đầu năm 2025              | So với 8 tháng đầu năm 2024 (%) | 8 tháng đầu năm 2025              | So với 8 tháng đầu năm 2024 (%) |                                                         |
|       | dụng; giẻ rách                                                                                                      |                                   |                                 |                                   |                                 |                                                         |
| '72   | Sắt và thép                                                                                                         | 4.804                             | 228,6                           | 158.386                           | 3,5                             | 3,0                                                     |
| '87   | Các loại xe khác ngoài toa xe lửa hoặc xe điện, và các bộ phận và phụ kiện của chúng                                | 4.511                             | 15,9                            | 3.335.105                         | -6,5                            | 0,1                                                     |
| '16   | Các chế phẩm từ thịt, cá, giáp xác, động vật thân mềm hoặc các động vật không xương sống dưới nước khác, hoặc . . . | 4.507                             | -20,8                           | 93.459                            | -1,5                            | 4,8                                                     |
| '19   | Các chế phẩm từ ngũ cốc, bột mì, tinh bột hoặc sữa; các sản phẩm làm bánh ngọt                                      | 4.185                             | 32,6                            | 296.801                           | 1,7                             | 1,4                                                     |
| '21   | Các chế phẩm ăn được khác nhau                                                                                      | 3.901                             | 36,2                            | 491.312                           | 2,4                             | 0,8                                                     |

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Trademap*

## II. TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ CỦA VIỆT NAM VỚI THỊ TRƯỜNG NEW ZEALAND TRONG THÁNG 8 VÀ 8 THÁNG NĂM 2025

### 1. Về xuất khẩu

Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường New Zealand năm 2024 đạt 686,7 triệu USD tăng 5,9% so với năm 2023.

Năm 2025 kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang thị trường New Zealand trong tháng 8/2025 đạt 60,9 triệu USD, giảm 5,7% so với tháng 7/2025 và giảm 9,2% so với cùng kỳ tháng 8/2024.

Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang New Zealand đạt 461,7 triệu USD, giảm 0,3% so với cùng kỳ năm 2024.

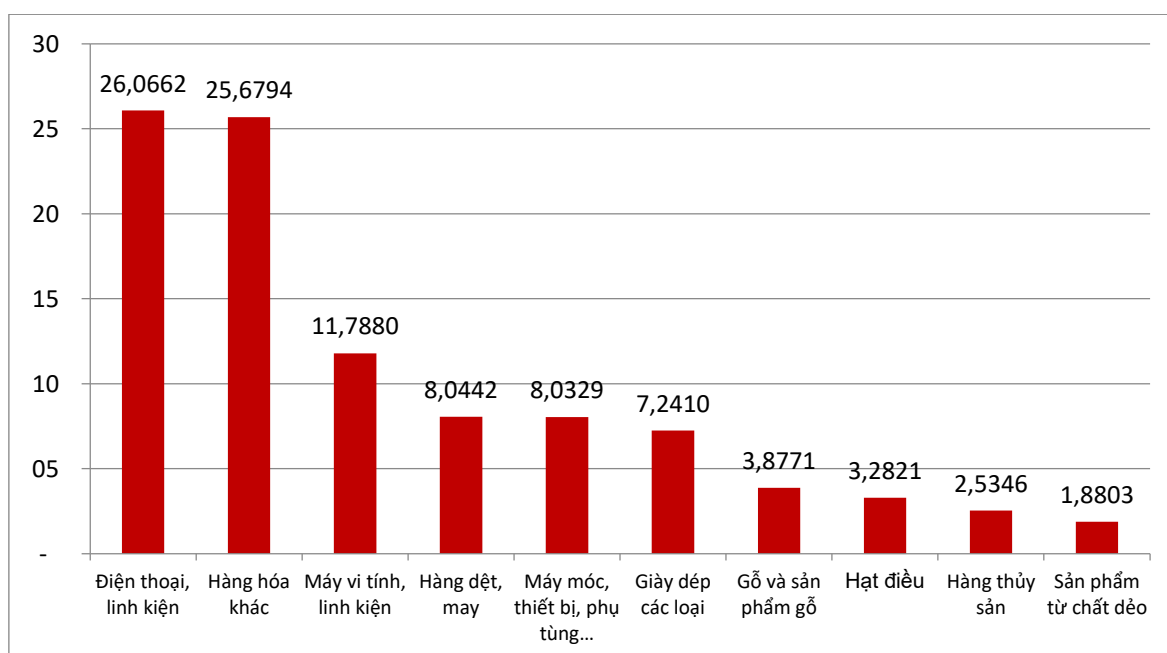
Một số mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch cao của Việt Nam trong 8 tháng đầu năm 2025 lần lượt là;

- Nhóm (Điện thoại các loại và linh kiện...) đạt 120,3 triệu USD giảm 12,8% so với cùng kỳ năm 2024;

- Nhóm (Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện...) đạt 54,4 triệu USD, tăng 19,7% so cùng kỳ năm 2024

**Biểu đồ 6: Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu sang New Zealand có tỷ trọng cao trong 8 tháng đầu năm 2025**

*(Tính theo tỷ trọng %)*



*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam*

Nhìn chung, trong 8 tháng đầu năm 2025, xuất khẩu hàng hóa sang thị trường New Zealand giảm 0,3%, trong đó có một số nhóm mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu cao như;

- Nhóm (Điện thoại các loại và linh kiện...) giảm 12,8%, và chiếm 26,1% tỷ trọng xuất khẩu;

- Nhóm (Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện...) tăng tới 19,7%, và chiếm 11,8% tỷ trọng xuất khẩu so với cùng kỳ năm 2024.

Cũng trong 8 tháng đầu năm 2025 nhóm tăng mạnh nhất lần lượt là;

- Nhóm (Gỗ và sản phẩm gỗ...) tăng 26,3%; nhóm (Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện...) tăng 19,7% và

Ở chiều ngược lại nhóm giảm mạnh nhất là nhóm (Cà phê các loại...) giảm 18,1%; tiếp đến là nhóm (Hàng thủy sản...) giảm 17,7% so cùng kỳ năm 2025.

**Bảng 2: Xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang New Zealand trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2025**

(Đơn vị tính: USD)

| Nhóm mặt hàng                              | Tháng 8/2025 (USD) | So với tháng 7/2025 (%) | So với tháng 8/2024 (%) | 8 tháng đầu năm 2025 | So với cùng kỳ năm 2024 (%) | Tỷ trọng 8 tháng đầu năm 2025 (%) |
|--------------------------------------------|--------------------|-------------------------|-------------------------|----------------------|-----------------------------|-----------------------------------|
| <b>Tổng giá trị:</b>                       | <b>60.918.944</b>  | <b>-5,7</b>             | <b>-8,2</b>             | <b>461.713.584</b>   | <b>-0,3</b>                 | <b>100</b>                        |
| Điện thoại các loại và linh kiện           | 11.751.718         | -30,5                   | -10,9                   | 120.351.094          | -12,8                       | 26,1                              |
| Hàng hóa khác                              | 18.083.628         | 11,6                    | 1,2                     | 118.565.081          | 5,6                         | 25,7                              |
| Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện | 7.516.647          | 14,9                    | -11,4                   | 54.426.772           | 19,7                        | 11,8                              |
| Hàng dệt, may                              | 4.493.211          | -13,1                   | -12,9                   | 37.141.007           | 0,3                         | 8,0                               |
| Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác  | 6.287.452          | 2,5                     | 15,3                    | 37.088.790           | 4,6                         | 8,0                               |
| Giày dép các loại                          | 3.584.087          | -19,3                   | -31,1                   | 33.432.503           | -5,8                        | 7,2                               |
| Gỗ và sản phẩm gỗ                          | 2.432.640          | -5,4                    | -21,2                   | 17.901.269           | 26,3                        | 3,9                               |
| Hạt điều                                   | 2.706.408          | 21,2                    | 14,5                    | 15.153.903           | 8,1                         | 3,3                               |
| Hàng thủy sản                              | 1.209.531          | 65,8                    | -45,2                   | 11.702.501           | -17,7                       | 2,5                               |
| Sản phẩm từ chất dẻo                       | 1.423.901          | 20,0                    | 22,7                    | 8.681.587            | -8,9                        | 1,9                               |
| Sản phẩm nội thất từ chất liệu khác gỗ     | 1.259.430          | -34,1                   | 2,0                     | 4.793.028            | 10,2                        | 1,0                               |
| Cà phê                                     | 170.292            | -71,6                   | -82,4                   | 2.476.049            | -18,1                       | 0,5                               |

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam*

## 2. Về nhập khẩu

Theo số liệu thống kê từ Cục Hải quan Việt Nam, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường New Zealand năm 2024 đạt 604,0 triệu

USD giảm 11,2% so với năm 2023. Nhóm hàng nhập khẩu chính của Việt Nam từ New Zealand là nhóm;

- Nhóm (Sữa và sản phẩm sữa...) đạt 290,3 triệu USD giảm 26,0% so với năm 2023.

- Nhóm (Hàng rau quả...) đạt 105,7% giảm 12,7% so với năm 2023.

Năm 2025 trong tháng 8 Việt Nam nhập từ thị trường New Zealand đạt 52,1 triệu USD, giảm 29,6% so với tháng 7/2025 và giảm 10,4% so với tháng 8/2024.

Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ New Zealand đạt 526,9 triệu USD, tăng 31,6% so với 8 tháng năm 2024. Trong đó nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu cao như;

- Nhóm; (Sữa và sản phẩm sữa...) đạt 291,9 triệu USD tăng 52,2% so cùng kỳ năm 2024.

- Nhóm (Hàng rau quả...) đạt 94,8 triệu USD tăng 19,3 % so cùng kỳ năm 2024.

Tiếp đến là nhóm (Hàng hóa khác...) đạt 77,4 triệu USD tăng 13,1% so cùng kỳ năm 2024.

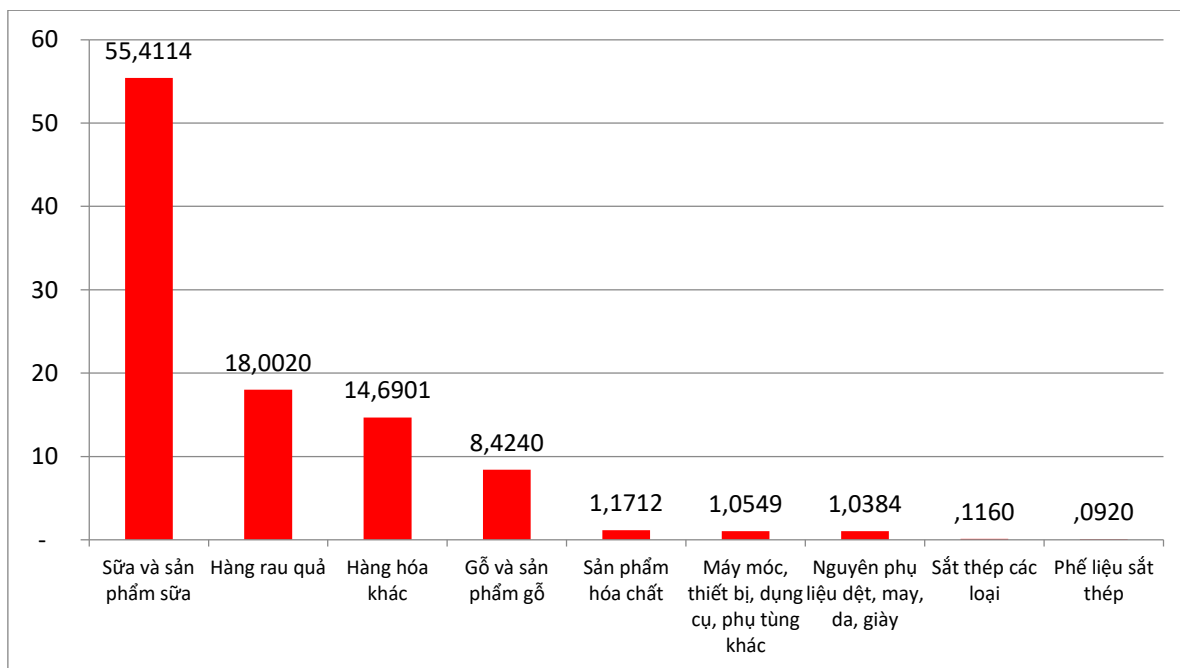
Ở chiều ngược lại nhóm hàng hoá có kim ngạch nhập khẩu giảm như;

- Nhóm (Phế liệu sắt thép...) đạt 484,8 nghìn USD giảm 95,4 % so cùng kỳ năm 2024.

- Nhóm (Sắt thép các loại...) đạt 611,0 nghìn USD giảm 11,7 % so cùng kỳ năm 2024.

**Biểu đồ 7: Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu từ New Zealand có tỷ trọng cao trong 8 tháng đầu năm 2025**

*( Tính theo tỷ trọng %)*



*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam*

Tỷ trọng hàng hoá nhập khẩu trong cơ cấu các mặt hàng nhập khẩu 8 tháng đầu năm 2025 cao nhất là;

- Nhóm( Sữa và sản phẩm sữa...) chiếm 55,4% trong cơ cấu hàng hoá nhập khẩu

- Nhóm (Hàng rau quả...) chiếm 18,0% trong cơ cấu hàng hoá nhập khẩu

Tiếp đến là nhóm (Hàng hóa khác...) chiếm 14,7% trong cơ cấu nhập khẩu hàng hoá của Việt Nam từ New Zealand trong 8 tháng đầu năm 2025.

Như vậy so với cùng kỳ năm 2024 có nhóm hàng; (Sữa và sản phẩm sữa...) là có tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu hàng hoá nhập khẩu của Việt Nam từ New Zealand là 55,4% và nhóm (Hàng rau quả...) chiếm 18,0% trong 8 tháng đầu năm 2025.

**Bảng 3: Nhập khẩu hàng hóa từ New Zealand trong tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2025**

(ĐVT: USD)

| Nhóm mặt hàng                             | Tháng 8/2025 | So với tháng 7/2025 (%) | So với tháng 8/2024 (%) | 8 tháng đầu năm 2025 | So với cùng kỳ năm 2024 (%) | Tỷ trọng 8 tháng đầu năm 2025 |
|-------------------------------------------|--------------|-------------------------|-------------------------|----------------------|-----------------------------|-------------------------------|
| Tổng giá trị:                             | 52.150.381   | -29,6                   | -10,4                   | 526.953.615          | 31,4                        | 100                           |
| Sữa và sản phẩm sữa                       | 23.986.622   | -37,2                   | -2,5                    | 291.992.438          | 52,2                        | 55,4                          |
| Hàng rau quả                              | 11.683.117   | -35,8                   | -11,9                   | 94.862.359           | 19,3                        | 18,0                          |
| Hàng hóa khác                             | 7.781.631    | -12,3                   | -31,7                   | 77.410.176           | 13,1                        | 14,7                          |
| Gỗ và sản phẩm gỗ                         | 6.645.608    | -1,5                    | -16,5                   | 44.390.617           | 19,1                        | 8,4                           |
| Sản phẩm hóa chất                         | 699.637      | -37,2                   | 409,9                   | 6.171.610            | 70,4                        | 1,2                           |
| Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác | 952.996      | 112,3                   | 274,3                   | 5.558.764            | 64,3                        | 1,1                           |
| Nguyên phụ liệu dệt, may, da, giày        | 400.770      | -4,6                    | -37,0                   | 5.471.748            | 20,6                        | 1,0                           |
| Sắt thép các loại                         |              |                         |                         | 611.060              | -17,1                       | 0,1                           |
| Phế liệu sắt thép                         |              |                         |                         | 484.844              | -95,4                       | 0,1                           |

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam*

## 2. Về cán cân thương mại

Trong tháng 8/2025, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và New Zealand đạt 113,0 triệu USD giảm 9,3% so với tháng 8/2024. trong tháng 8, Việt Nam xuất siêu sang New Zealand 8,7 triệu USD tăng 7,5% sơ với tháng 8 năm 2024.

Tính chung trong 8 tháng đầu năm 2025, kim ngạch thương mại hai chiều giữa Việt Nam và New Zealand đạt 988,6 triệu USD, tăng 14,4% so với 8 tháng

đầu năm 2024. Cũng trong 8 tháng đầu năm 2025 Việt Nam nhập siêu từ New Zealand 65,2 triệu USD, giảm 205,2% so với 8 tháng đầu năm 2024.

**Bảng 4: Cán cân thương mại giữa Việt Nam và New Zealand tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2025**

(Đơn vị tính: TriệuUSD)

| Hoạt động thương mại                | Tháng 8/2025 | So tháng 8/2024 (%) | 8 tháng 2025 | So 8 tháng 2024 (%) |
|-------------------------------------|--------------|---------------------|--------------|---------------------|
| Việt Nam xuất khẩu sang New Zealand | 60,918       | -8,2                | 461,713      | -0,3                |
| Việt Nam nhập khẩu từ New Zealand   | 52,150       | -10,4               | 526,953      | 31,4                |
| Thương mại hai chiều                | 113,068      | -9,3                | 988,666      | 14,4                |
| Cán cân thương mại                  | 8,768        | 7,5                 | -65,240      | -205,2              |

*Nguồn: Tính toán từ số liệu của Cục Hải quan Việt Nam*

Như vậy tính chung thương mại hai chiều giữa Việt Nam và New Zealand trong 8 tháng đầu năm 2025 Việt Nam nhập siêu từ New Zealand là 65,2 triệu USD, giảm 205,2% so cùng kỳ 2024.

**III. CẬP NHẬT THÔNG TIN CHÍNH SÁCH VÀ CÁC RÀO CẢN THUẾ QUAN LIÊN QUAN ĐẾN THỊ TRƯỜNG**

Rào cản thuế quan đối với hàng hóa nhập khẩu vào New Zealand nhìn chung là thấp do nước này có chính sách thương mại mở, áp dụng thuế suất trung bình dưới 2% đối với thương mại không ưu đãi và không có hạn ngạch thuế quan. Các FTA (Hiệp định thương mại tự do) đa phương còn giúp loại bỏ nhiều rào cản hơn nữa, tạo lợi thế cạnh tranh cho hàng hóa từ các nước đối tác, bao gồm cả Việt Nam.

+ Thuế nhập khẩu



Có hai loại thuế nhập khẩu là thuế nhập khẩu thông thường và thuế nhập khẩu ưu đãi.

Thuế nhập khẩu thông thường: áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu từ tất cả các nước, trừ các loại hàng hóa được hưởng thuế suất thuế nhập khẩu ưu đãi. New Zealand miễn thuế nhập khẩu đối với hầu hết các loại hàng hóa, thường là các hàng hóa không sản xuất trong nước. Các hàng hóa còn lại có mức thuế là 5% hoặc 10%.

Thuế nhập khẩu ưu đãi: áp dụng cho hàng hóa từ một số quốc gia và nhóm quốc gia cụ thể, căn cứ theo quy định trong các hiệp định thương mại mà New Zealand đã ký kết. Ngoài ra, theo Chế độ ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP), mức thuế ưu đãi được áp dụng cho một số hàng hóa sản xuất tại các nước đang và kém phát triển.

Việt Nam và New Zealand cùng là thành viên của Hiệp định thương mại tự do ASEAN-New Zealand-New Zealand (AANZFTA). Theo quy định của AANZFTA, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2020, tất cả hàng hóa của Việt Nam xuất khẩu sang New Zealand đều được hưởng mức thuế nhập khẩu ưu đãi là 0% nếu đáp ứng tiêu chí xuất xứ của Hiệp định. Các doanh nghiệp cũng có thể lựa chọn ưu đãi thuế nhập khẩu theo quy định tại Hiệp định Đối tác kinh tế Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP).

- + Các loại thuế, phí khác áp dụng với hàng nhập khẩu

- Thuế tiêu thụ đặc biệt

New Zealand áp dụng thuế tiêu thụ đặc biệt (excise) đối với rượu, thuốc lá và các loại nhiên liệu sản xuất trong nước. Mức thuế nhập khẩu tương đương thuế tiêu thụ đặc biệt (excise-equivalent duty) cũng áp dụng cho rượu, thuốc lá và các loại nhiên liệu nhập khẩu.

- Thuế hàng hóa và dịch vụ (GST)

Ngoài thuế nhập khẩu, hàng hóa nhập khẩu phải chịu thuế GST 15%. Thuế GST được tính dựa trên giá trị tính thuế của hàng hóa cộng thuế nhập khẩu

và chi phí vận tải, bảo hiểm. Hàng hóa nhập khẩu cùng một lô hàng có giá trị dưới 1000 NZD (trừ rượu và thuốc lá) được hải quan miễn thuế GST, thuế nhập khẩu, các loại phí.

#### + Cấm, hạn chế nhập khẩu

New Zealand duy trì các biện pháp kiểm soát nhập khẩu nhiều loại hàng hóa dựa trên các tiêu chí như “bảo vệ cộng đồng”, bảo vệ tầng ozone, kiểm soát các chất độc hại và bảo vệ người tiêu dùng. New Zealand cũng duy trì một chế độ kiểm dịch nghiêm ngặt để bảo vệ các ngành nông, lâm nghiệp, tránh sâu hại hoặc dịch bệnh.

Các sản phẩm bị kiểm soát gồm súng và các loại vũ khí khác, chất nổ, các loại ma túy, chất thải nguy hại, chất phóng xạ, thuốc trừ sâu, thực vật, động vật, các sản phẩm động vật và thực vật v.v. Các ấn phẩm, phim ảnh, băng, đĩa chứa các tài liệu văn hóa phẩm đồi trụy, bạo lực v.v. cũng bị hạn chế. Một số sản phẩm nông nghiệp (như gia cầm) bị hạn chế vì lý do kiểm dịch động thực vật. New Zealand cũng tuân thủ lệnh của Liên Hợp Quốc cấm nhập khẩu hàng hóa từ các quốc gia bị trừng phạt.

#### + Quy tắc xuất xứ

Khi hàng hóa có xuất xứ thuần túy (thu hoạch hoặc sản xuất hoàn toàn tại một quốc gia, không sử dụng bất kỳ nguyên liệu nhập khẩu nào), việc xác định nguồn gốc của hàng hóa đó tương đối đơn giản.

Tuy nhiên, khi hàng hóa được sản xuất tại nhiều quốc gia hoặc nguyên liệu sản xuất có nguồn gốc từ nhiều quốc gia, thì cần xác định xem liệu hàng hóa đó có trải qua các thay đổi hoặc chuyển đổi cần thiết để được coi là có xuất xứ tại quốc gia đề nghị ưu đãi thuế hay không.

#### + Một số tiêu chuẩn nhập khẩu áp dụng cho hàng nông, lâm, thủy sản.

#### - Tiêu chuẩn nhập khẩu hải sản

Các doanh nghiệp có thể tham khảo bản gốc tiêu chuẩn tại đây. Phần B.

Thủ tục nhập khẩu

### Giấy phép nhập khẩu

Các lô hàng đáp ứng yêu cầu tại tiêu chuẩn này không cần phải xin giấy phép nhập khẩu.

### Điều kiện được nhập khẩu

Cá nước ngọt hoặc các sản phẩm có nguồn gốc từ cá nước ngọt KHÔNG đủ điều kiện để nhập khẩu theo tiêu chuẩn này. Tất cả các loại hải sản dành cho người phải không còn sống.

Phải có giấy tờ chứng minh sản phẩm có nguồn gốc từ biển ví dụ đóng gói theo tiêu chuẩn thương mại và có nhãn mác nêu nguồn gốc sản phẩm hoặc kèm theo tờ khai của nhà xuất khẩu cho lô hàng. Các loại nhuyễn thể (sò, vẹm...) phải được lột vỏ, nấu chín, sấy khô hoặc đông lạnh. Các loại nhuyễn thể có thể được phép nhập khẩu dù là thủy sản biển hoặc nước ngọt.

Các loại giáp xác (cua, tôm hùm, tôm) có thể được phép nhập khẩu dù là thủy sản biển hoặc nước ngọt.

Bào ngư phải được lột vỏ và xử lý nhiệt đến nhiệt độ tâm sản phẩm là 55°C trong vòng 10 phút.

## **IV. TRIỂN VỌNG VÀ DỰ BÁO**

+ Triển vọng;

Trong khuôn khổ hợp tác kinh tế khu vực và đa phương, ngoài WTO và APEC, New Zealand và Việt Nam cùng là thành viên của Hiệp định thương mại tự do ASEAN- New Zealand- New Zealand (AANZ FTA), Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) đã kết thúc đàm phán và đang trong giai đoạn chuẩn bị ký kết (tính tới tháng 12/2019).

Việt Nam - New Zealand đã xây dựng quan hệ hữu nghị chặt chẽ trong nhiều thập kỷ. Năm 2025 là cột mốc đánh dấu quan hệ giữa Việt Nam - New Zealand đã trải qua 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao và 5 năm thiết lập quan

hệ Đối tác Chiến lược. Hợp tác thương mại và đầu tư giữa hai nước phát triển mạnh mẽ và đạt được những thành tựu nhất định.

Dù tiềm năng hợp tác là rất lớn, hai quốc gia vẫn đối mặt với một số thách thức như khoảng cách địa lý, khác biệt về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm và sự hạn chế trong hiểu biết lẫn nhau về văn hóa kinh doanh.

Để khắc phục những trở ngại này, Việt Nam và New Zealand cần, trước hết, tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại, trong đó ưu tiên đẩy mạnh tổ chức hội chợ, triển lãm và các diễn đàn kinh tế để kết nối doanh nghiệp hai nước.

Thứ hai, đơn giản hóa thủ tục thương mại, trong đó chú trọng công tác cải thiện hệ thống pháp lý và giảm rào cản hành chính để tạo thuận lợi cho giao thương.

Thứ ba, đẩy mạnh hợp tác trong đào tạo nhân lực và chuyển giao công nghệ, tăng cường các chương trình trao đổi sinh viên, chuyên gia và nhân lực trong các lĩnh vực công nghệ cao.

Hợp tác quan hệ kinh tế - thương mại - công nghệ giữa Việt Nam và New Zealand có triển vọng phát triển vượt bậc trong tương lai nhờ vào các hiệp định thương mại tự do mà hai nước tham gia, như CPTPP, AANZFTA, RCEP...

Đây là nền tảng pháp lý vững chắc để thúc đẩy thương mại và đầu tư song phương. Bên cạnh đó, với sự hỗ trợ về mặt lợi thế kinh tế, Việt Nam và New Zealand có cơ hội cùng nhau xây dựng các chuỗi giá trị toàn cầu, nâng cao giá trị gia tăng cho sản phẩm xuất khẩu, đồng thời đóng góp tích cực vào sự ổn định và thịnh vượng của khu vực châu Á - Thái Bình Dương.

Việt Nam và New Zealand hiện là thành viên chung của ít nhất 3 Hiệp định thương mại tự do (FTA). Nếu Hiệp định CPTPP và AANZFTA giúp giảm thuế quan, thì Hiệp định RCEP giúp doanh nghiệp tận dụng được các yêu cầu về quy tắc xuất xứ. Điều này giúp tăng trưởng xuất khẩu giữa Việt Nam và New Zealand luôn ở mức cao.

Hiện Việt Nam và New Zealand hiện là thành viên chung của ít nhất 3 Hiệp định thương mại tự do (FTA), bao gồm Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (RCEP) và Hiệp định Thương mại tự do ASEAN New Zealand - New Zealand (AANZFTA).

Hiệp định CPTPP và AANZFTA giúp giảm thuế quan, thì Hiệp định RCEP giúp doanh nghiệp tận dụng được các yêu cầu về quy tắc xuất xứ. Điều này giúp tăng trưởng xuất khẩu giữa Việt Nam và New Zealand luôn ở mức cao.

New Zealand là thị trường xuất khẩu tiềm năng đối với nhiều sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như máy móc/thiết bị điện, giày dép, quần áo và các mặt hàng nông-lâm-thủy sản... Nhiều sản phẩm xuất khẩu chủ lực của Việt Nam (quần áo, sắt thép, đồ gỗ nội thất...) mới chỉ chiếm thị phần nhỏ trong tổng nhập khẩu của New Zealand, tuy nhiên xuất khẩu các mặt hàng này của Việt Nam sang New Zealand đều có xu hướng tăng đáng kể trong những năm gần đây, điều này cho thấy dư địa và tiềm năng để xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang New Zealand vẫn còn rất lớn.

Trong thời gian tới, xuất khẩu của Việt Nam sang New Zealand được dự báo tiếp tục tăng trưởng nhờ các yếu tố thuận lợi như:

Dưới những tác động của nền kinh tế thế giới New Zealand cũng bị ảnh hưởng theo xu hướng chung của thế giới, dẫn tới thu nhập của hầu hết người tiêu dùng bị sụt giảm. Vì vậy, nhu cầu của họ đối với các sản phẩm có giá cả phải chăng hơn từ các nước đang phát triển như Việt Nam gia tăng, đặc biệt là các hàng hóa thiết yếu như thực phẩm, quần áo... Trong khi đó, Việt Nam lại có thế mạnh sản xuất các sản phẩm này với giá cả thường thấp hơn các nước phát triển, đồng thời có lợi thế về ưu đãi thuế quan từ 03 FTA chung với New Zealand.

Cộng đồng người Việt tại New Zealand ngày càng phát triển với số lượng người Việt Nam học tập và làm việc tại quốc gia này ngày càng gia tăng trong những năm gần đây. Cộng đồng người gốc Á có cùng xu hướng tiêu dùng các

sản phẩm tương tự người Việt cũng phát triển mạnh ở New Zealand. Do vậy, nhu cầu tiêu thụ, sử dụng các sản phẩm Việt Nam tại New Zealand cũng tăng lên tương ứng.

Người tiêu dùng New Zealand cũng cởi mở hơn với việc sử dụng các sản phẩm nhập khẩu (trong đó có sản phẩm của Việt Nam) miễn là các sản phẩm nhập khẩu đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và có giá cả cạnh tranh.

Chất lượng của các sản phẩm Việt đang ngày càng được nâng cao và dần chinh phục được nhiều thị trường khó tính. Nhiều doanh nghiệp lớn của Việt Nam đã đầu tư bài bản và dài hạn cho sản xuất và xuất khẩu hàng hóa tiêu chuẩn cao sang các nước phát triển – những thị trường có yêu cầu khắt khe về chất lượng và mẫu mã sản phẩm. Ngoài ra, Việt Nam cũng đang chú trọng thu hút đầu tư công nghệ cao vào các ngành nhiều tiềm năng nhưng công nghệ còn lạc hậu như rau củ quả, thủy hải sản... để nâng cao chất lượng sản phẩm xuất khẩu.

#### + Dự báo

New Zealand là thị trường khó tính, nước này yêu cầu giấy phép nhập khẩu với nhiều loại hàng hóa (như nông sản, thực phẩm, dược phẩm, hóa chất...), đồng thời đặt ra các quy định nghiêm ngặt về kiểm dịch động thực vật, các tiêu chuẩn kỹ thuật đối với hàng hóa nhập khẩu... Điều này đặt ra thách thức lớn đối với xuất khẩu của Việt Nam bởi nếu không đáp ứng các quy định/yêu cầu từ phía New Zealand, hàng hóa của Việt Nam sẽ bị từ chối nhập khẩu vào nước này.

Tuy là một thị trường nhỏ, mức độ cạnh tranh tại New Zealand lại tương đối lớn, với nhiều đối thủ cạnh tranh trong cùng khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và một số nước ASEAN (Singapore, Malaysia, Thái Lan). Các nước này có cơ cấu hàng hóa xuất khẩu sang New Zealand khá tương đồng với Việt Nam nên mức độ cạnh tranh càng cao hơn nữa. Ngoài ra, các quốc gia đã có FTA với New Zealand và các quốc gia được hưởng cơ chế ưu đãi GSP của New Zealand cũng tạo ra sức ép cạnh tranh nhất định đối với hàng hóa của Việt Nam tại thị trường này. Hơn nữa, ngay cả trong các lĩnh vực sản phẩm có thể

manh, hàng hóa Việt Nam không hẳn có lợi thế về chất lượng, mức độ đa dạng và thương hiệu với các đối thủ này.

Chi phí sản xuất và xuất khẩu hàng hóa sang thị trường New Zealand tương đối cao. Chi phí mà doanh nghiệp Việt Nam phải bỏ ra để đảm bảo tuân thủ các yêu cầu/quy định của New Zealand có thể cao hơn đáng kể so với nhiều thị trường xuất khẩu khác. Hơn nữa, khoảng cách địa lý xa giữa Việt Nam và New Zealand khiến chi phí vận chuyển hàng hóa từ Việt Nam sang nước này cũng tốn kém hơn so với các thị trường xuất khẩu truyền thống của Việt Nam tại khu vực châu Á như Trung Quốc, Hàn Quốc và các nước ASEAN.

Bất chấp sự bất ổn do chính sách thuế quan năm 2025 cho thấy, niềm tin của doanh nghiệp New Zealand đã tăng nhẹ kể từ khi Mỹ công bố mức thuế mới vào tháng 4 vừa qua. Một tín hiệu tích cực hơn là lượng hàng container xuất khẩu hàng năm của New South Wales, Victoria và Queensland đã tăng 6,5% tính đến tháng 7/2025.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp có thể được hưởng lợi từ việc hình thành các chuỗi cung ứng mới, trong đó bao gồm việc tăng cường nhập khẩu để bù đắp hàng hoá thiếu hụt từ thương mại với Mỹ.

Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu chủ lực của Việt Nam có tính bổ sung cao cho cơ cấu hàng nhập khẩu của New Zealand. New Zealand có nhu cầu nhập khẩu nhiều nhiên liệu khoáng, xe các loại, thiết bị quang học, dược phẩm, phương tiện bay... Trong khi đó, Việt Nam lại có thể mạnh và xuất khẩu nhiều giày dép, quần áo, đồ nội thất, thủy sản... Như vậy, những mặt hàng thế mạnh của Việt Nam chưa phải là những mặt hàng mà New Zealand có nhu cầu lớn.

**Cán bộ theo dõi**

**Người thực hiện**

